

LỜI NÓI ĐẦU

Phần đông Phật tử Quy Y Tam Bảo mà chưa ý thức nhiệm vụ mình phải làm gì đối với mình, đối với mọi người, đối với đạo. Hoặc có ít người ý thức lại là ý thức sai lầm, mình lầm hướng dẫn kẻ khác cũng theo đường sai lầm của mình. Vì thế, tín đồ Phật giáo số lượng rất đông, phần phẩm lại quá ít.

Những sách vở chỉ dạy bốn phần, trách nhiệm người Phật tử tại gia đã được dịch hoặc viết bằng chữ Việt ngữ khá nhiều như: kinh Ưu-bà-tắc, kinh Thi-ca-la-việt, quyển Là Phật tử v.v... Có lẽ những quyển ấy không được phổ biến khắp Phật tử, hoặc vì chỉ dạy rộng nhiều nên hàng Phật tử tại gia không nhớ thực hành. Tôi viết tập sách này, lúc đầu với ý định đăng tạp chí Từ Quang, sau thấy cần phổ biến nên cho in thành sách. Do đó, nó rất đơn lược, hình thức gần như một bài giảng. Tôi chỉ hy vọng bổ túc kịp thời những khuyết điểm của Phật tử tại gia đem đến trong mọi gia đình Phật tử những hình ảnh đẹp đẽ của Phật giáo.

Tôi mong những nhận xét trong đây được Phật tử phổ dụng và quý Thầy Giảng Sư, Trụ Trì xem đó là lối đi cần thiết trong hiện tại, đem ra hướng dẫn tín đồ. Để ngày mai này, tín đồ Phật Giáo không còn những tệ đoan qui y cầu độ rồi lúc lâm chung... mà toàn là Phật tử chân thành chánh tín!

PHƯƠNG BỐI AM

Cuối xuân Nhâm Dần 1962

THÍCH THANH TỪ



TRÁCH VỤ PHẬT TỬ TẠI GIA

I. DẪN KHỞI :

Phật tử tại gia là người con Phật đem giáo lý Phật dạy áp dụng vào gia đình khiến toàn cả gia đình sinh hoạt theo đường lối Phật giáo. Trách nhiệm và công vụ của Phật tử là hoán cải nhân gian trở thành một xã hội thuần túy Phật giáo. Tinh thần Đại thừa Phật giáo nhằm mục đích chuyển hóa cõi Ta-bà uế trược này trở thành Cực-lạc thanh lương. Sự phổ biến Phật giáo khắp mọi tầng lớp quần chúng là điều Phật tử phải thực hiện.

Theo quan niệm chung của Phật tử xưa nay, khi nói đến trách nhiệm truyền bá Phật giáo, đều công nhận “do tăng già đảm nhiệm”, hoặc tiến hơn lại bảo: “Hai giới xuất gia, tại gia chung gánh vác”, theo tôi, tôi nói “Truyền bá Phật giáo được phổ biến, linh động trong quần chúng do Phật tử tại gia thực hiện”. Tại sao ? Bởi vì mỗi cá nhân, mỗi gia đình Phật tử thực hiện đúng đường lối Phật dạy những cái hay đẹp ấy sẽ lây nhiễm sang những cá nhân và gia đình khác dần dần nhân gian biến thành Tịnh độ. Nếp sống của người xuất gia cao siêu cách biệt quần chúng quá, dù cố gắng cách mấy cũng khó ảnh hưởng lây. Vì thế, Phật tử tại gia có trách nhiệm làm linh động và sống dậy tinh thần Phật giáo qua nếp sống cá nhân và gia đình mình.

II. PHẬT GIÁO HỮU ÍCH HAY VÔ ÍCH :

Phật tử tại gia lâu nay có quan niệm sai lầm, khi nói đến Phật sự là đình ninh cúng chùa, cất chùa, trai nguyện, công quả v.v... lãng quên yếu tố căn bản “Làm sống dậy lời Phật dạy”. Giả sử có người phê bình: Phật giáo chỉ lý thuyết suông không ích lợi gì cho quần chúng. Phật tử chúng ta có chấp nhận lời phê bình này không ? Hẳn là không. Nhưng muốn cải chính, chúng ta căn cứ vào đâu để chứng minh sự hữu ích của Phật giáo đối với quần chúng. Căn cứ vào sự cầu nguyện quốc thái dân an làm bằng chứng được chăng ? Huyền diệu quá, quần chúng không tin nổi. Căn cứ vào sự cúng chùa đời sau được phước chăng ? Xa xôi quá, quần chúng không thể nhận tới. Còn bao nhiêu chứng cứ nữa thấy đều cao siêu khó thấy. Quần chúng đòi hỏi có sự lợi ích thiết thực, chính mắt họ trông thấy mới chịu tin. Vì thế, Phật tử tại gia phải cố gắng thực hiện, lấy gia đình mình làm cứ điểm lợi ích thiết thực của Phật giáo để trả lời mọi nghi ngờ và phê bình của quần chúng.

Hơn nữa một vị Tăng đứng lên giảng hạnh Từ bi, nhẫn nhục v.v... quần chúng cho đó là một mớ lý thuyết khô khan không thể thực hiện được. Nếu vị Tăng ấy chính bản thân thực hiện hạnh Từ bi, nhẫn nhục, quần chúng lại bảo dĩ nhiên ông ấy phải làm được. Vì ông không có gia đình, không lo sinh kế, còn chúng tôi phải bảo bọc gia đình, phải lo sinh kế, làm sao bì mấy ông ấy được. Chỉ có người Phật tử tại gia vẫn sống trong hoàn cảnh như họ mà thực hành được đạo đức mới là việc đáng cho họ chú ý. Phật giáo hữu ích hay vô ích chính do sự thực hiện hay không của hàng Phật tử tại gia vậy.

III. PHÂN TU TẬP :

Muốn cho quần chúng thấy cái hay, cái đẹp của Phật giáo, Phật tử tại gia trước hết lấy giáo lý điều luyện cá nhân mình, chính bản thân mình là phản ảnh trung thành của Phật giáo. Sự kiện đầu tiên trong việc điều luyện mình là Quy Y và Thọ Giới.

A. Quy Y - Thọ Giới: Quy Y là đặt cho mình một lý tưởng, vạch một lối đi. Phật là mục tiêu cao cả để ta nhắm. Pháp là đường lối tiến đến mục tiêu ấy, Tăng là người hướng dẫn ta đi đúng đường lối tiến lên mục tiêu đã nhắm. Cho nên Quy Y là định hướng của người Phật tử. Quy Y rồi cá nhân mình không còn cái khổ phiêu bạt linh đình của con người vô lý tưởng.

Năm giới cấm là phần thiện tiêu cực của Phật tử. Giữ trọn năm giới là nhân cách con người được đầy đủ và bảo đảm một con người toàn vẹn ở tương lai. Sự thảm khốc của cảnh tương tàn tương sát. Sự khổ đau cướp giật lẫn nhau. Sự xấu xa của gia đình thường luân bại lý, sự nghi ngờ trong xã hội điêu ngoa, sự say sưa ở trà đình tửu điểm, người Phật tử đều vượt khỏi những cái tủi nhục này. Ngược lại người Phật tử luôn luôn bảo vệ sinh mạng nhau, sẵn sàng tôn trọng tài sản của nhau, biết giữ gìn can thường đạo lý sống chân thành tự trọng và lúc nào cũng sáng suốt khôn ngoan. Chỉ giữ năm giới cá nhân đã khỏi sa vào hố truy lạc, gia đình được êm ấm tin yêu. Nếu toàn thể xã hội biết giữ năm giới thì hạnh phúc thay cho cuộc sống thanh bình! [Muốn biết rộng về Tam Quy Ngũ Giới nên xem quyển Tam Quy Ngũ Giới cùng một tác giả.]. Tuy nhiên, đã thực hành phần thiện tiêu cực, chúng ta cần phải tiến lên phần thiện tích cực, tức là học năm hạnh của Phật.

B. Năm hạnh của Phật: Năm hạnh căn bản của Phật, là con Phật ai ai cũng phải học và thực hành. Ở đây trong phạm vi Phật tử tại gia áp dụng năm hạnh vào đời sống thực tế để tạo cho mình một nếp sống đẹp đẽ và đem lại cho gia đình, cho xã hội an lạc, thuận hòa và mỹ lệ. Năm hạnh là: Từ Bi, Nhẫn Nhục, Hỷ Xả, Tinh Tấn, Trí Tuệ.

1. Từ Bi: Tự tâm ta phát hiện lòng thương chân thật, lòng thương này được biểu lộ trong hành động, ngôn ngữ chia vui sẻ khổ cho nhau. Phật tử tại gia; đối tượng thực hiện lòng thương này là cha mẹ, anh em, vợ con, sau cùng là thân thuộc hàng xóm. Trong gia đình, lúc nào người Phật tử cũng đem lại sự an vui cho cha mẹ, anh em, vợ con, không bao giờ làm cho ai buồn khổ. Nếu cha mẹ, anh em, vợ con có điều gì đau khổ chính mình phải tìm cách giải cứu san sẻ cho được vui đi. Tức nhiên phải thông cảm nhau vui cùng vui, khổ chung chịu khổ. Tình thương chân thành là sợi dây liên lạc siết chặt mọi người trong gia đình thành một khối, thiếu nó gia đình có thể rời rạc đến rã tan. Ngoài ra, đối với thân thuộc, hàng xóm chúng ta cũng thông cảm chia vui sẻ khổ cho nhau. Những khi hoạn nạn, những lúc đau buồn của người thân thuộc nên coi như là hoạn nạn đau buồn của chính ta, cố gắng tìm cách giải cứu. Chỉ có chiếc gàu tình thương chân thật mới tát vơi được dòng sông đau khổ.

2. Nhẫn Nhục: Đã thương nhau thì phải hòa thuận nhịn nhường nhau. Nhất là đối với cha mẹ, dù mắng rầy quở phạt có phần quá đáng, người Phật tử vẫn nhẫn nhịn cam chịu, không bao giờ dám to tiếng chống đối. Đợi khi nào cha mẹ nguôi cơn giận, ta mới nhỏ nhẹ thưa lại những nỗi hăm oan của ta. Với anh em, ta

cũng nhẫn nhịn nhau những khi buồn tức, không nên để cho cơn giận dữ nổi lên làm phân ly tình cốt nhục. Nghĩa vợ chồng phải nhường nhịn nhau, khi chồng giận vợ nhường, khi vợ tức chồng nhịn, đợi qua cơn tức giận sẽ nhã nhận khuyên bảo nhau. Bất cứ sự sống chung đụng nào nếu có đến hai người là có bực tức rầy rà. Thế nên, Phật tử phải khéo nhường nhịn nhẫn nại để giữ hòa khí vui đẹp trong gia đình. Có khi nhường nhịn người ngoài dễ hơn nhường nhịn người trong nhà. Bởi vì người ngoài coi nhau như là khách nhịn một chút cho qua, ít khi gặp lại nhau, người trong nhà ra vào gặp nhau nên có gì bực tức khó nhịn được. Tập nhẫn nhục phải thực hiện ngay trong gia đình trước, khi ở gia đình đã thành công thì đối với người ngoài không khó. Có nhiều người đối đãi với bạn bè hàng xóm rất nhã nhận vui vẻ, trái lại cư xử trong nhà thì thô bỉ cáu kỉnh. Đó là không biết thực hiện hạnh nhẫn nhục cho chính đáng. Nhẫn nhục bậc thấp nhất là những người có quyền thế bề trên, bậc trung là những người ngang hàng mình, bậc thượng là những kẻ dưới tay mình, Phật tử chúng ta phải tiến từ bậc thấp đến bậc cao tốt cùng.

3. Hỷ Xả : Đã nhẫn nhịn được cần phải hỷ xả không nên ôm ấp buồn phiền trong lòng. Có khi ta nhịn được cơn tức giận, mà trong lòng còn cuu mang uất hận. Như vậy không sớm thì muộn khó tránh khỏi sự cãi vã nhau. Cho nên nhường nhịn nhau rồi, cần phải vui vẻ tha thứ cho nhau không bao giờ nhắc đến lỗi lầm ấy nữa. Đối với anh em, vợ chồng, con cháu sự hỷ xả rất thiết thực cần yếu. Đã là phạm tặc như nhau thì có ai tránh được sự lỗi lầm, khi người này phạm lỗi lầm người kia vui vẻ tha thứ, lúc người kia phạm lỗi lầm người này sẵn sàng hỷ xả. Được vậy, trong gia đình sẽ giữ mãi được vẻ ấm êm tình hòa mục, bằng không thì khó thấy sự vui vậy. Cha mẹ luôn luôn có thái độ bao dung sẵn sàng tha thứ lỗi lầm của con. Anh em rộng lượng dung thứ nhau cho tình cốt nhục thêm nồng. Vợ chồng vui vẻ tha thứ cho nhau để giữ một niềm thủy chung như nhất.

Tuy nhiên, vui vẻ tha lỗi nhau, không có nghĩa không chỉ dạy nhắc nhở những lỗi lầm của nhau. Tinh thần Phật tử luôn luôn muốn xây dựng mọi người chung quanh mình được tốt đẹp, nếu thấy người có điều quấy liền nhắc nhở chỉ dạy, khi người nhận lỗi liền vui vẻ tha thứ. Ở trong gia đình người phạm lỗi phải can đảm nhận lỗi, người chỉ lỗi vui vẻ thứ tha. Không nên có tính cách thấy người tha lỗi mình cứ phạm lỗi mãi. Bầu không khí hòa nhã vui vẻ sẽ có nơi những gia đình nào người trong ấy biết nhẫn nhục hỷ xả cho nhau.

4. Tinh Tấn: Chuyên cần cầu tiến là sự tất yếu của con người hướng thượng. Phật tử tại gia là người sống trong cảnh trần tục mà luôn luôn ôm ấp ý chí hướng thượng, lúc nào cũng cần cầu tiến.

Trước nhất, Phật tử tại gia chuyên cần chuyển hóa tâm niệm, hành động, ngôn ngữ xấu xa của mình trở thành tốt đẹp. Cố gắng thế nào thấy mình hôm nay đã tốt hơn hôm qua. Tập quán xấu xa khấn chặt trong tâm thức ta đã lâu rồi không thể nhất đáng sửa đổi được ngay, phải là sự chuyên cần bền bỉ mới có thể thắng được nó. Giá trị tu tập là ở chỗ cố gắng cải hóa bản thân mình.

Thứ đến, Phật tử chuyên cần làm việc hằng ngày theo khả năng mình để đem lại cơm no áo ấm cho gia đình. Chúng ta còn mang xác thân này dĩ nhiên sự ăn mặc không thể thiếu được. Nếu cả ngày Phật tử bàn luận những lý thuyết cao

siêu huyền diệu mà trong gia đình vợ con đói rách nheo nhóc, lý thuyết sẽ trở thành chất vị chua cay khiến vợ con chán sợ nó. Hơn nữa, Phật tử tại gia còn phải thực hiện đức Từ Bi của Phật, nên phải chuyên cần làm lung may ra có dư giả chút ít để giúp đỡ những người tàn tật đói thiếu làm vui phần nào đau khổ cho nhân loại.

Sau cùng, Phật tử chuyên cần chuyển hóa và điều hòa mọi người trong gia đình. Làm thế nào cả nhà đều chung thờ một lý tưởng, đều cư xử thuận hòa êm ái, đều theo một chiều hướng vươn lên. Được thế người Phật tử mới thấy tròn bổn phận của mình.

5. Trí Tuệ: Đạo Phật rất chú trọng phần trí tuệ. Có trí tuệ con người mới khỏi lạc lăm đau khổ. Dù người cố gắng làm mọi việc lành, nếu thiếu trí tuệ phán đoán chưa hẳn việc làm ấy đã là lành. Phật tử chúng ta nếu thiếu trí tuệ không thể thành một Phật tử chân chánh được.

Muốn có trí tuệ, Phật tử trước phải phá những cái tin tưởng sai lầm. Tin đồng bóng, sâm quẻ, tướng số v.v... là những hiện tượng mê mờ. Đành rằng đôi khi tướng số cũng đoán trúng, nhưng đó chỉ là do nhân quả nghiệp báo của chúng ta mà thôi. Trong sách tướng có câu: “Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sanh; tướng vô tâm, tướng tòng tâm diệt”. Nghĩa là người có tâm tốt mà không có tướng tốt; tướng tốt sẽ tùy tâm tốt phát hiện, người tướng tốt mà không tâm tốt, tướng tốt sẽ theo tâm tiêu diệt. Như vậy, tất nhiên tùy tâm niệm, hành động tốt xấu của chúng ta, theo nhân quả sẽ hiện ra tướng tốt xấu nhất là sự ỷ lại thần quyền là hiểm họa tiêu diệt trí tuệ của chúng ta.

Để được khai thông trí tuệ, người Phật tử phải học Kinh điển Phật giáo. Chúng ta chưa có thể tự phát trí tuệ, phải nhờ ngọn đuốc trí tuệ của Phật chiếu phá mê mờ cho ta. Những lời vàng ngọc trong kinh điển là do Phật chứng Nhất thiết trí phổ diễn còn ghi lại. Chúng ta y cứ vào đó làm nền tảng khiến trí tuệ khai phát. Nếu không chịu học hỏi giáo lý, người Phật tử ấy chỉ là tấm bia không khác. Và lại, người ấy muốn tự tu hay chuyển hóa người cũng không biết lấy đâu làm phương hướng.

Nhận xét chân chánh là căn bản của trí tuệ. Người Phật tử nhận xét sự vật trong vũ trụ theo hai chiều Nhân Quả và Nhân Duyên.

Đứng về chiều thời gian, vạn vật thành bại, hư nên, tốt xấu... đều theo định luật nhân quả. Như muốn có lúa ta phải gieo hạt lúa, vun phân xới đất làm cỏ, mưa, nắng, sương và chăm sóc, ngăn ngừa sâu bọ là những điều kiện phụ trợ. Có đủ những điều kiện ấy, trải qua một thời gian, ta sẽ được những bông lúa. Từ nhân hạt lúa, đến quả nhiều bông lúa, bản thân cây lúa có đủ những yếu tố hỗ trợ và phá hoại. Không giản dị có hạt lúa sẽ có bông lúa. Thuyết nhân quả gồm có chánh nhân, trợ nhân, nghịch nhân. Hạt lúa đem ra gieo là chánh nhân, phân, đất, nước... là trợ nhân; mưa, nắng, thuận mùa là thuận nhân; sâu bọ, nắng hạn, bão lụt là nghịch nhân. Đó là phân tích tổng quát, nếu phân tích chi tiết còn lắm điều phiền toái. Nhân quả liên chuyển cả ba thời: Quá khứ, hiện tại, vị lai. Chúng ta muốn phán xét một việc phải nhìn suốt ba thời, không nên cắt xén từng đoạn mà đoán định.

Đứng về mặt không gian, không một vật nào tự nó hình thành; phải do nhiều nhân duyên chung hợp; muôn vật trong vũ trụ đều liên hệ nương nhờ nhau, “Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không”. Cái nhà không tự có, sở dĩ có là nhờ cây, gạch, ngói, xi-măng, sắt, cát v.v... Bao nhiêu điều kiện chung hợp lại. Nếu một trong những điều kiện quan trọng ấy thiếu, cái nhà khó thành tựu. Trong kinh Phật, khi nói đến sự tương quan, tương duyên của vạn vật thường lấy bó lau làm thí dụ. Bó lau sở dĩ đứng vững được nhờ nhiều cây nương nhau, nếu ngã đi một vài cây thì bó lau cũng phải ngã. Sự liên hệ chằng chịt giữa cuộc đời mật thiết nhau như thế.

Lý Nhân Quả, Nhân Duyên bao quát cả vũ trụ và nhân sinh, nhưng Phật giáo lấy nhân sinh làm đối tượng, nên hai thuyết lý này được áp dụng triệt để vào sự tu tập của con người.

Người hiểu rõ lý Nhân Quả áp dụng vào sự tu tập bản thân sẽ được những đức tính tốt:

1- Can đảm không kêu than oán trách, khi gặp cảnh khổ đến với mình. Vì biết do nhân mình đã tạo trong hiện tại, hoặc quá khứ còn thừa.

2- Dũng tiến tu thiện, vì biết gieo nhân lành sẽ được hưởng quả lành.

3- Cẩn thận khi sắp làm, sắp nói, vì sợ gây nhân xấu sau chịu quả xấu.

4- Không ỷ lại, vì biết mọi việc do mình tạo nhân, mình hưởng quả không phải sức thiêng liêng nào ban.

5- Không kiêu căng trong cảnh giàu sang, vì biết nhờ nhân lành đời trước nếu khởi hành động xấu sau này sẽ chịu quả khổ.

Người đạt được lý Nhân duyên đối với xã hội có nhiều ý niệm hay:

1- Không ích kỷ, vì biết mình và người tương quan nhau, người khổ tức mình khổ.

2- Không chán ghét xã hội muốn trốn tránh, vì biết mình không thể ly khai xã hội được.

3- Tích cực lợi tha, vì biết người tốt là mình tốt.

4- Không quá khổ đau khi thấy sự hoại diệt, vì biết có hợp phải có tan.

Biết nhận xét và áp dụng lý Nhân Quả, Nhân Duyên như vậy là người có trí tuệ tự tạo cho mình một cuộc sống linh hoạt hợp lý.

C. Tụng niệm: Để thêm sức mạnh vào sự cải đổi bản thân người Phật tử nếu đủ phương tiện mỗi ngày dành ra mười lăm đến hai mươi phút đến trước bàn Phật tụng kinh niệm Phật, hoặc tham Thiền theo pháp quán Ngũ đình tâm. Giờ phút tụng niệm phải chí thành khẩn thiết chuyên giữ ba nghiệp thanh tịnh. Trọn ngày người tại gia lẫn lộn với trần tục làm sao khỏi dính vài vết nhiễm ô trong tâm niệm. Đến trước bàn Phật tụng niệm là cốt gột rửa những vết như ấy khiến tâm hồn được thanh tịnh. Trước khi tụng niệm, Phật tử mặc một bộ y phục sạch sẽ, thấp hương, lên đèn thơm tho sáng suốt, tượng Phật ngự trên bàn tịch tịnh tôn nghiêm, bầu không khí thanh khiết này chuyển hóa tâm hồn trở thành thanh tịnh. Giờ phút tụng niệm trang nghiêm thành kính giúp ta thêm vững lòng tin và lãng quên mọi sự buồn đau gian khổ.

Nếu trường hợp không thể có bàn Phật mà không có thì giờ rảnh rỗi, mỗi ngày trước khi đi ngủ, Phật tử nên ngồi yên tịnh độ năm đến mười phút để kiểm điểm lại hành động trong ngày và tưởng nhớ năm hạnh của Phật. Có thể, ta mới biết lỗi lầm mà tránh và cố gắng tiến lên theo các hạnh lành.

IV. PHÂN PHẬT SỰ :

Lý Nhân Duyên đã cho ta thấy trong vũ trụ không có một vật nào đơn độc tự sống. Đã có sống tức liên hệ nhau, giữa mình và mọi người, mình và vạn vật. Bởi sự liên hệ ấy, người Phật tử không thể tự tu riêng mình, buộc phải cảm hóa những người chung quanh mình cùng tu.

A. Cảm hoá gia đình: Những người gần nhất với Phật tử tại gia là cha mẹ, anh em, vợ con. Tuy mỗi người có quyền tôn thờ một lý tưởng riêng, nhưng trong gia đình mà lý tưởng khác nhau là cái cớ khiến tình thương lợt lạt. Phật tử cố gắng cảm hóa gia đình không phải là độc tài, cái gì mình theo bắt trong gia đình phải theo, mà vì muốn đem lại tình thương và hạnh phúc cho gia đình. Cha mẹ là bậc bề trên, kẻ làm con thương cha mẹ không gì hơn khuyên cha mẹ hướng về đạo đức. Nếu cha mẹ đã Quy Y Tam Bảo, người con phải tạo những trợ duyên tốt cho cha mẹ tiến lên trong việc đạo đức. Nếu cha mẹ chưa biết Phật pháp, người con cố gắng khuyên giải và tự mình thể hiện những cái đẹp Phật giáo để cha mẹ trông thấy cái hay mà trở về đạo pháp.

Tình cốt nhục muốn được sâu đậm thiết tha là anh em phải chung thờ một lý tưởng. Nếu anh em chưa biết Phật giáo người Phật tử nên hướng dẫn đến với đạo. Nhưng trước tự bản thân mình phải theo, sống thực theo các hạnh Từ bi, Nhẫn nhục v.v... để anh em nhìn vào ta thấy được cái gì cao đẹp. Những nét đẹp nơi ta sẽ chuyển hóa tâm hồn huynh đệ ta hướng về Phật giáo.

Đối với vợ hoặc chồng, người Phật tử sẽ áp dụng Phật giáo cư xử trong gia đình khiến vợ hoặc chồng cảm thấy Phật giáo đem đến cho gia đình một ân huệ quý báu. Không nên bắt buộc vợ hoặc chồng theo Phật giáo mà phải tự mình làm cao đẹp Phật giáo để bạn mình cùng chuyển hướng theo.

Con cháu trong nhà, người Phật tử phải khéo huấn luyện dạy dỗ chúng những gương hay hạnh tốt trong Phật giáo khiến chúng thấm nhuần Phật giáo từ thuở bé. Nhất là Pháp Lục Hòa hàng giảng dạy chúng ăn ở cư xử với nhau thành nếp hòa thuận, tin yêu, không nên hững hờ cho chúng còn bé không cần biết đạo đức, đến khi chúng khôn lớn chưa từng biết gì về đạo Phật nghe ai nói gì hay theo, chùng ấy kẻ làm cha mẹ hối hận đã muộn.

Hương vị đạo đức từ cá nhân thấm dần vào gia đình đến khi toàn cả gia đình đều bát ngát mùi hoa Ưu Đàm, đó là Phật tử tại gia đã thành công một nhiệm vụ gần.

B. Cảm hóa láng giềng : Hương vị đạo đức của từng gia đình các Phật tử sẽ nhiễm lây sang hàng xóm. Trong xã hội tương quan này, cái gì hay dĩ nhiên sẽ ảnh hưởng đến những người chung quanh, cái gì dở cũng thế. Cho nên Phật tử lấy đạo đức thực tự bản thân, gia đình cảm hóa người lân cận là điều căn bản chân chánh. Chúng ta không cần khoe khoang Phật giáo hữu ích, cao siêu, v.v... chỉ cần các Phật tử biết sống thực theo Phật giáo. Phạm làm việc gì người ta mong kết quả lợi

ích, theo Phật giáo cũng thế. Phật tử tại gia muốn cảm hóa những gia đình bên cạnh mình hướng về Phật giáo, trước phải đem Phật giáo làm lợi ích thiết thực trong gia đình mình thì sự cảm hóa mới có hiệu quả. Ngược lại, nếu người mà nhìn vào gia đình của các Phật tử đầy đầy một màu thù hận, buồn khổ thì khó mong kết quả. Dù Phật tử ấy học thuộc lòng năm mươi quyển kinh, tài hùng biện tuyệt diệu đi nữa cũng không thể hướng dẫn người chung quanh mình đến đạo được. Muốn lợi tha quyết định trước phải tự lợi.

C. Cư xử với bạn đạo: Chúng ta muốn cảm hóa người chưa biết đạo trở về với Phật giáo, nếu trong tình đạo hữu cùng nhau mà cư xử bất nhã, hoặc giận hờn thù nghịch nhau thì người ngoài làm sao dám bước chân vào đạo. Cho nên, người Phật tử biết thương đạo, thương quý thầy, là bạn đạo phải cư xử với nhau rất hòa mục, thương yêu nhau như con một cha. Tuy rằng bạn đạo không phải tình cốt nhục, nhưng cùng thờ một lý tưởng, cùng tôn Đức Thích Ca là Từ Phụ thì đâu khác tình cốt nhục. Những điều chia rẽ buồn phiền nhau là làm nhục cho đạo, làm đau khổ cho quý thầy, người Phật tử chân chánh không nên có. Đã là phạm phu như nhau, làm gì tránh khỏi những ưu điểm và khuyết điểm. Anh em một cha chưa hẳn tánh tình giống nhau, huống chi bạn đạo là con nhiều nhà mà có thể giống hệt nhau được. Biết như vậy, khi gần nhau chúng ta nên thấy những điểm tốt của bạn nhiều hơn và sẵn sàng tha thứ những điều dở của bạn. Huynh đệ hạp ý nhau được phần nào tốt phần ấy, đừng tham lam muốn bạn mình giống hệt mình. Chung lo việc đạo phải đặt lý tưởng lên trên hết, những tự ái còn con gặng dẹp qua một bên. Biết thương yêu nhau, đùm bọc nhau là Phật tử làm đẹp cho Phật giáo khiến những người ngoài thêm muốn đến với đạo. Phật sự quan trọng là Phật tử phải sống hòa thuận vui vẻ với nhau.

D. Tham gia việc từ thiện: Phật tử biết tu theo hạnh Từ Bi của Phật đối với những kẻ sẵn sàng thương xót. Phật tử tùy khả năng cứu giúp những người chung quanh mình khi họ gặp những hoàn cảnh khổ đau. Cứu trợ người là hành động đẹp khiến người ta cảm mến trở về với Phật giáo. Ngoài ra, Phật tử tùy sức sẵn sàng góp công vào những việc từ thiện xã hội. Lòng từ bi bao giờ cũng vui vẻ chia cơm sẻ áo cho người đói rách cùng khổ. Có người tụng kinh rất sành, niệm Phật rất nhiều, nhưng gặp người nguy khổ đến nhờ cứu giúp thì gương mặt lạnh lùng như sắt đá. Chúng ta không phải tu với Phật và chỉ nhớ cảnh Cực-lạc ở phương tây, mà phải tu với chúng sanh, nhớ cảnh đau khổ của chúng sanh ra tay cứu giúp. Gặp người đau khổ, chúng ta nên đặt mình trong hoàn cảnh của họ để cùng thông cảm nỗi khổ đau với họ. Sự giúp đỡ nhiều ít không quan trọng, quan trọng ở chỗ thông cảm nỗi khổ của họ hay không. Tuy giúp của ít mà thông cảm nỗi khổ đau của họ, còn hơn giúp của nhiều mà lạnh nhạt vô tình. Bồ thí là phương tiện đầu hướng dẫn người về với Phật giáo.

E. Đối với Tam Bảo: Người Phật tử đã làm bốn phận trong gia đình, ngoài xã hội, còn có trách nhiệm gần gũi liên lạc với ngôi Tam Bảo.

1. Tránh hai thái độ cực đoan: Sự liên lạc giữa Phật tử với Tam Bảo là lẽ dĩ nhiên không thể thiếu được. Nhưng tới lui lo lắng phải có chừng mực, giới hạn không nên đi quá trớn. Có một ít Phật tử tại gia thuần tín đối với Tam Bảo: Hoặc

là chồng thì ý quyền chồng trọn ngày chạy lo Phật sự, bỏ phước việc làm ăn nhà cửa, chẳng thiết đến vợ con để vợ con sống cơ cực nheo nhóc. Đó là cái cố khiến vợ con phiền trách chán nản đạo đức, đôi khi khởi ác ý đối với Tam Bảo là khác. Hoặc là vợ ý tay cầm chìa khóa xuất phát cúng kiếng bất chấp chồng con, nhiều khi quên cả sự đủ thiếu no đói trong gia đình, có bao nhiêu đều đóng góp vào chùa cả đến khi chồng con hay được đâm ra oán trách Tăng Ni lánh xa Phật giáo. Thế là mất cả lòng tin tưởng trong gia đình, sống trong cảnh ngờ vực nhau. Tuy nhiên, cúng chùa lo Phật sự là có phước, nhưng phước chỉ riêng mình để vợ hoặc chồng con hủy báng Tam Bảo, lánh xa Phật giáo, phước nhỏ ấy đâu đủ bù tội lớn kia. Hơn nữa, người láng giềng nhìn vào gia đình đạo Phật mà buồn tẻ, căng thẳng như vậy, còn ai dám theo Phật giáo. Thế là, vô tình Phật tử xúi giục người xa lánh Đạo Phật.

Ngược lại, có một ít người tin Phật mà bất chấp chùa chiền, không cần biết đến Tăng Ni chỉ ở nhà tụng kinh niệm Phật cho thế là đủ. Đành rằng tu là tự sửa đổi tâm tánh, hành động của mình cho tốt đẹp, đi chùa không phải là làm cho mình tốt. Nhưng, ly khai chùa chiền, Tăng Ni nhờ ai chỉ dạy phương pháp sửa đổi tâm tánh? Lại nữa, người Phật tử tại gia mà không liên lạc với chùa chiền, Tăng Ni thì không phải là Phật tử. Vì trong kinh Phật đã dạy, cư sĩ là người gần gũi phụng sự Tam Bảo. Tam Bảo là chỗ y cứ cho mọi người hướng về Phật giáo, nếu ta tách rời chùa chiền, Tăng Ni tức nhiên sự liên lạc truyền bá Phật giáo bị cắt đứt: Hệ thống truyền bá không còn, nhất định Phật giáo sẽ đi đến tiêu diệt. Như vậy, chúng ta tin Phật mà trở lại làm tiêu diệt Phật giáo.

Tóm lại hai hạng người trên: một bên tin ngưỡng nồng nhiệt chỉ biết chùa mà không biết đến gia đình; một bên chỉ biết gia đình, không cần biết đến chùa, hai thái độ đều mang đến Phật giáo sự hoại diệt. Phật tử chân chánh dè dặt đừng dấn dấn hai hạng người này.

2. Tránh quan niệm danh tướng: Cúng chùa, làm Phật sự ta nên gạt bỏ danh, tướng ra ngoài. Nếu người còn ôm ấp danh tướng trong lòng ra lo việc đạo, khi bị khai thác trúng chỗ thì làm việc quay cuồng, cúng dường bất kể, rủi gặp việc bất mãn thì không thềm bước chân đến chùa có khi phỉ báng Tam Bảo là khác. Công đức cúng dường Tam Bảo thênh thang vô lượng không nên hạn cuộc nó trên tấm bảng nhỏ hẹp, trong những lời khen dễ dàng. Phật tử làm việc đạo là vì bảo vệ Tam Bảo thường còn ở thế gian, vì truyền bá đạo pháp lợi ích chúng sanh không phải vì danh vì tướng. Cúng chùa, lo đạo là do lòng chân thành mộ đạo phát tâm của Phật tử, đừng vì những lời tán thưởng, vì cho người khác biết mình có đạo tâm. Đẹp đẽ thay! Những người thầm lặng lo việc đạo. Bì ổi nhất, những kẻ ôm cái ngã to tướng đội lớp hy sinh Phật sự. Thật là Phật tử lo đạo thường thường mà thật tâm vì đạo, còn hơn những người cả ngày chạy lo Phật sự mà vì danh tướng của mình. Có khi người ta bỏ được danh lợi ở đời, mà bị kẹt cái danh trong đạo, thật đáng thương!

3. Tư cách Phật tử chân chánh đối với Tam Bảo: Tư cách đúng đắn của Phật tử, khi ra làm việc đạo không nghĩ đến cái ngã của mình không bao giờ thấy mình là người có công lớn. Không vì tiếng khen mà cố gắng, không do lời chê mà

thối lùi. Vui vẻ phấn khởi làm Phật sự chỉ vì Tam Bảo mà thôi. Khi lo việc đạo do sự đồng ý vui vẻ trong gia đình, không qua mặt khuất lấp người trong nhà, lúc nào cũng giữ thái độ đường đường chánh chánh, kính trọng Tam Bảo là điều kiện cho mọi người quy y hướng về Tam Bảo, không phải làm sang trọng Tam Bảo mà mọi người đều xa lánh khinh thường sự thịnh suy còn mất của ngôi Tam Bảo, người Phật tử chân chánh thấy vui khổ như sự thành bại trong gia đình mình. Người biết quý kính Tam Bảo là phải thương yêu chúng sanh, vì chúng sanh là nhân duyên chánh Tam Bảo xuất hiện. Chỉ biết Tam Bảo mà không biết chúng sanh là một sai lầm lớn của Phật tử, Phật tử cố gắng khêu sáng ngọn đèn Tam Bảo để chúng sanh thấy mà hướng về.

V. PHẬT TỬ TẠI GIA PHỔ BIẾN VÀ LINH ĐỘNG PHẬT GIÁO :

Phật tử tại gia ở chung đụng với quần chúng, hoàn cảnh sinh sống cũng như họ, nếu thực hiện được đạo đức mới đáng cho quần chúng chú ý. Nếu mỗi Phật tử tại gia đều sống gần giống lời Phật dạy, Phật giáo tự nhiên phổ khắp quần chúng. Bởi vì nhân tính bao giờ cũng xu lợi, muốn khuyên bảo làm việc gì phải thấy lợi ích hiển nhiên họ mới làm. Chúng ta kêu gọi khuyên nhủ quần chúng hướng về Phật giáo nhưng điều kiện lợi ích chưa đủ chúng tỏ, đừng hòng quần chúng chịu theo. Do đó, người Phật tử tại gia phải áp dụng Phật giáo xây dựng gia đình mình được êm ấm hạnh phúc là chứng cứ xác thực để quần chúng lấy đó làm tiêu chuẩn hướng về Phật giáo. Hình dáng Từ bi, Nhẫn nhục, Hỷ xả v.v... đều biểu lộ qua con người Phật tử, ấy là bài thuyết pháp sống linh động và rất hiệu quả. Nếu Phật tử chỉ học giáo pháp bằng lý thuyết suông, không làm sống dậy một điểm nào qua con người mình. Người ấy không phải chân chánh Phật tử. Vì cá nhân họ không biết dùng Phật giáo để tu tập, lại là mục tiêu cho quần chúng khinh thường Phật giáo. Giả sử có những vị giảng sư giảng rất hấp dẫn linh động, đã khô cổ, khan giọng kêu gọi quần chúng Quy Y Tam Bảo, chỉ gây hào hứng nhất thời cho quần chúng chứ không mong kết quả nếu rãi rác bên cạnh quần chúng có các gia đình đã quy y Phật giáo đôi ba năm mà hành động, cử chỉ, tâm tánh năm này không khác năm xưa, sự rầy ra, giận dữ, ghét, oán thì cũng y hệt mọi gia đình khác. Quần chúng thấy quy y Phật giáo cũng bằng thừa, không lợi ích gì cho gia đình, cho xã hội, như gia đình anh A, chị B đã quy y Phật giáo nhan nhản trước mắt kia mà thôi. Đó chính là Phật tử tự đưa Phật giáo đến chỗ vô dụng đối với quần chúng. Khi quần chúng thấy sự có mặt của Phật giáo là thừa thải, thử hỏi Phật giáo còn có thể sống được không ? Ảnh hưởng sâu đậm to tác nhất đối với quần chúng là hình ảnh cá nhân và gia đình của các Phật tử tại gia. Phật giáo sẽ phổ biến khắp quần chúng, khi nào Phật tử tại gia biết áp dụng Phật giáo vào nếp sống gia đình. Phật giáo rất linh động hữu ích khi cá nhân Phật tử biết thực hiện theo lời Phật dạy.

Trách nhiệm truyền bá Phật giáo trong quần chúng phần lớn do cư sĩ. Cư sĩ là hình ảnh gần gũi thiết thực nhất với quần chúng cho nên các vị Bồ-tát đa số hiện thân cư sĩ, như đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Dược Vương v.v... Các Ngài muốn gần gũi thân thiết để hóa độ quần chúng nên phải mang hình thức giống họ. Tinh thần Đại Thừa Phật giáo là tích cực lợi tha, mang nước Từ Bi chan rưới khắp quần chúng nên hình dáng cư sĩ rất cần thiết thích hợp. Phật tử tại

gia phải ý thức trách vụ quan trọng to tát của mình gắng thực hiện cho được phần nào nhiệm vụ.

VI. TRÁCH VUI TĂNG NI ĐỐI VỚI CƯ SĨ:

Nói thế, hình như tôi tước quyền truyền bá Phật giáo của Tăng Ni đặt hết gánh nặng lên vai cư sĩ. Sự thật không phải thế, Tăng Ni có nhiệm vụ giáo hóa quần chúng phần lý thuyết. Lý thuyết chỉ có khả năng hướng dẫn lý trí khiến người ta cảm mến Phật giáo nhưng thực tế sống động phải là hình dáng cư sĩ thường sinh hoạt bên cạnh họ. Hoàn cảnh, nếp sống Tăng Ni, là hình ảnh cao đẹp nhưng rất xa xôi chỉ để làm mục tiêu siêu thoát cho hàng Phật tử hướng về.

Quần chúng bao giờ cũng tránh khổ tìm vui, Phật giáo lúc nào cũng ban vui cứu khổ nên rất thích hợp nhu cầu cùng khổ. Vui có chia ba thứ: vui hiện tại, vui vị lai, vui giải thoát. Cứu giúp người khỏi cái khổ đói rách v.v... là ban vui hiện tại. Khuyên người bỏ ác tu thiện làm những điều phước đức để đời sau hưởng quả báo an lạc là ban vui vị lai. Chỉ dạy người tu hành đạt được chân lý Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên v.v... siêu thoát vòng trầm luân sanh tử là ban vui giải thoát. Vui hiện tại, vui vị lai, hàng Phật tử có thể ban bố được. Vui giải thoát chỉ dành riêng giới xuất gia hướng dẫn. Mục đích chính của Phật giáo là cứu người khỏi cái khổ trầm luân, ban cái vui giải thoát. Ban cái vui hiện tại, vui vị lai chỉ là bước đầu hướng người vào cửa đạo. Chư vị Bồ-tát ra tế độ chúng sanh trước cái vui hiện tại sau mới đưa đến cái vui giải thoát. Hai phái Phật tử xuất gia và tại gia chung sức tiếp độ chúng sanh, kẻ ban vui hiện tại, người hướng dẫn đến vui giải thoát, có thể mới đạt được mục đích chung cục của Phật giáo và mới phổ biến khắp cả chúng sanh.

Tăng Ni bao giờ cũng giữ hình ảnh giải thoát. Hình ảnh giải thoát không có nghĩa là cái đầu hay chiếc áo mà phải là chất vị thấm nhuần trong con người của tăng Ni. Những lời nói những cử chỉ của Tăng Ni đều biểu lộ hình ảnh giải thoát. Những lúc sống lẫn lộn với trần tục đã mệt mỏi trở về chưa nhìn thấy hình ảnh giải thoát, cảm nhận đức tính Từ Bi, hòa nhã, nghe những lý thuyết cao siêu của Tăng Ni, người cư sĩ nghe lòng nhẹ nhàng an ổn. Cho nên Tăng Ni phải giữ nguyên chất vị giải thoát, thể hiện đức hạnh Từ Bi, hòa nhã và thông đạt giáo lý. Đừng bao giờ Tăng Ni bước sang lãnh vực cư sĩ, cũng như lãnh vực cư sĩ bước làm vào lãnh vực Tăng Ni.

VII. KẾT LUẬN :

Chúng ta không nên đóng khung Phật giáo trong khuôn khổ tín ngưỡng nhỏ hẹp, khiến quần chúng nhìn vào thấy Phật giáo là cái xác chết khô khan. Chúng ta phải linh động Phật giáo cả mọi khía cạnh, nguồn sinh lực Phật giáo dồi dào qua hành động ngôn ngữ của các Phật tử tại gia. Phật tử biết áp dụng phần nào lời Phật dạy vào cá nhân và gia đình thì Phật pháp sẽ trường tồn và phát triển mãi mãi. Trách nhiệm hoằng hóa Phật giáo là ở Tăng Ni, phổ biến Phật giáo linh động trong quần chúng là do cư sĩ. Giờ rảnh nói chuyện thân mật trong gia đình, hoặc đi thăm người láng giềng đau yếu... đều là những buổi thuyết pháp linh động của cư sĩ. Cách ăn ở trong nhà, sự đối xử hàng xóm hợp đạo lý ấy là bài thuyết pháp sống của Phật tử tại gia. Phật tử tại gia thực hiện được nhiệm vụ mình, mới thật là người hộ đạo chân chánh.

Tuy nhiên, thực hiện toàn vẹn nhiệm vụ là điều rất khó, Phật tử tại gia nên tiến dần theo khả năng và phương tiện của mình. Làm thế nào sau thời gian Quy Y Tam Bảo, mỗi tháng mỗi năm, người chung quanh nhìn vào ta thấy đã tiến mỗi ngày mỗi khác hơn trước. Trong kinh Ưu Bà Tắc mỗi khi dạy một hạnh tu, sau cùng đức Phật kết thành câu: “Người tại gia giữ được rất khó vì nhiều nhân duyên ràng buộc”. Biết là khó, nhưng chúng ta đã quyết tâm tu tiến phải cố gắng vượt lên, không vì khó mà e dè lui sụt làm mất ý chí hướng thượng của mình.

